

Số: 59 /TANDTC-PC

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

V/v hướng dẫn bổ sung về nghiệp vụ triển khai  
thí điểm về đổi mới, tăng cường hòa giải,  
đôi thoại trong giải quyết các tranh chấp dân sự,  
khiếu kiện hành chính tại Tòa án nhân dân

Kính gửi: Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố: Hà Nội,  
Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng,  
Cần Thơ, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh,  
Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Nam, Khánh Hòa,  
Đồng Nai, Bình Dương, Long An, Thái Bình  
và các Tòa án nhân dân cấp huyện được lựa chọn thí điểm

Trong thời gian vừa qua, Tòa án nhân dân tối cao nhận được phản ánh của một số Tòa án nhân dân thực hiện thí điểm về những vướng mắc trong quá trình thực hiện thí điểm, Tòa án nhân dân tối cao thống nhất hướng dẫn bổ sung một số trường hợp sau đây:

**1. Trường hợp người khởi kiện nộp đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời kèm theo đơn khởi kiện; hoặc đơn khởi kiện đã được Trung tâm hòa giải, đôi thoại tại Tòa án thụ lý và lên lịch hòa giải, đôi thoại mà người khởi kiện có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì xử lý như thế nào?**

Trường hợp người khởi kiện nộp đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đồng thời với việc nộp đơn khởi kiện, để đảm bảo thực hiện các quyền của đương sự về bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, thu thập chứng cứ, bảo vệ chứng cứ, bảo toàn tình trạng tài sản hiện có tránh gây thiệt hại không thể khắc phục được, đảm bảo cho việc giải quyết vụ án hoặc việc thi hành án thì Tòa án phải xem xét thụ lý vụ án và giải quyết yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của đương sự mà không chuyển vụ việc cho Trung tâm hoà giải, đôi thoại tại Tòa án.

Trường hợp đơn khởi kiện đã được Trung tâm hòa giải, đôi thoại tại Tòa án thụ lý và lên lịch hòa giải, đôi thoại mà người khởi kiện có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì Trung tâm hòa giải, đôi thoại tại Tòa án phải chuyển ngay vụ việc cho Tòa án để xem xét thụ lý vụ án và giải quyết yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của đương sự.

**2. Trường hợp lập biên bản hòa giải thành và các bên cùng ký đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành nhưng trong quá trình**

**Tòa án mở phiên họp xét đơn yêu cầu, một bên không đến thì Tòa án có thể ban hành quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án không?**

Khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định:

*“Người yêu cầu hoặc người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ phải tham gia phiên họp theo giấy triệu tập của Tòa án.*

*Người yêu cầu vắng mặt lần thứ nhất thì Tòa án hoãn phiên họp, trừ trường hợp người yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt họ. Trường hợp người yêu cầu đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt thì bị coi là từ bỏ yêu cầu và Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự; trong trường hợp này, quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự đó theo thủ tục do Bộ luật này quy định vẫn được bảo đảm.”*

Căn cứ quy định nêu trên, nếu người yêu cầu vắng mặt lần thứ nhất thì Tòa án hoãn phiên họp, trừ trường hợp họ đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt họ. Trường hợp người yêu cầu đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt thì bị coi là từ bỏ yêu cầu và Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự.

Trường hợp người khác (người không yêu cầu) vắng mặt lần thứ nhất thì Tòa án hoãn phiên họp, vắng mặt lần thứ hai thì Tòa án vẫn tiến hành phiên họp xét đơn yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án.

**3. Tại mẫu số 09-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09-8-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao) về thông báo thụ lý việc dân sự hướng dẫn: “Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Thông báo này, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp cho Tòa án nhân dân..... văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu của người yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có).... Hết thời hạn 15 ngày nêu trên mà người được thông báo không nộp cho Tòa án văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu của người yêu cầu thì Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự để giải quyết theo quy định của pháp luật.”**

Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại Công văn số 310/TANDTC-PC ngày 11-10-2018 của Tòa án nhân dân tối cao thì hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó thì Thẩm phán ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo quy định tại Điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trường hợp này, thời hạn người



**có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp văn bản ghi ý kiến và tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có) được thực hiện như thế nào?**

Trường hợp ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn mà có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì người đó phải tham gia phiên hòa giải tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Nếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất với thỏa thuận của vợ chồng liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của người đó thì thỏa thuận này phải được ghi nhận trong Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Trường hợp này, trong biên bản cần thể hiện rõ có đầy đủ các bên tranh chấp và người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan tham gia thỏa thuận, ký tên và cam kết sự thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện thì Thông báo thụ lý việc dân sự không cần yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp văn bản ghi ý kiến và tài liệu, chứng cứ kèm theo.

**4. Theo Công văn số 310/TANDTC-PC ngày 11-10-2018 của Tòa án nhân dân tối cao thì hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó thì Thẩm phán ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo quy định tại Điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trường hợp vì lý do khách quan, Tòa án không thụ lý ngay việc dân sự trong cùng ngày Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án lập biên bản về việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn thì thời hạn 07 ngày được tính từ ngày lập biên bản hay ngày thụ lý việc dân sự?**

Để đảm bảo hiệu quả của công tác triển khai thí điểm về đổi mới, tăng cường hòa giải, đối thoại trong giải quyết các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính, các Tòa án tham gia thí điểm có trách nhiệm thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Công văn số 310/TANDTC-PC, bao gồm hướng dẫn về thời hạn ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Trường hợp vì lý do khách quan mà Tòa án không thụ lý ngay việc dân sự trong cùng ngày Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn thì phải thụ lý trong ngày liền kề tiếp theo ngày lập các biên bản. Thời hạn 07 ngày được tính kể từ ngày lập các biên bản.

**5. Theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì trước khi thụ lý vụ việc, Tòa án phải thông báo cho đương sự nộp tiền tạm ứng lệ phí theo quy định. Trường hợp Tòa án thông báo về việc nộp lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự nhưng đương sự không thực hiện ngay mà sau một tuần họ mới nộp biên lai thu tiền cho Tòa án thì thời hạn 07 ngày để Thẩm phán**

**ra quyết định quyết định công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo hướng dẫn tại điểm b mục 3 Công văn số 310/TANDTC-PC được tính như thế nào?**

Điểm b mục 3 Công văn số 310/TANDTC-PC hướng dẫn: “...Hòa giải viên thông báo cho Giám đốc Trung tâm, chuyển hồ sơ vụ việc và các biên bản cho Tòa án. Tòa án xem xét, nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định tại Chương XXVIII của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Thẩm phán (đã được phân công tham gia chứng kiến và ký tên vào các biên bản) thụ lý ngay việc dân sự. Sau khi thụ lý, Thẩm phán kiểm tra hồ sơ nếu xét thấy việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập các biên bản mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó thì Thẩm phán ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo quy định tại Điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự (Thẩm phán không tiến hành hòa giải lại)”.

Trường hợp ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn mà sau khi hòa giải, vợ, chồng không đồng ý đoàn tụ nhưng thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thì Hòa giải viên giải thích cho họ sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, đơn yêu cầu hòa giải thành đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; hướng dẫn họ về việc nộp lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự. Đồng thời, Hòa giải viên báo cáo Giám đốc Trung tâm phân công Thẩm phán tham gia chứng kiến việc lập biên bản và ký tên vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con, chia tài sản khi ly hôn do Hòa giải viên lập. Thẩm phán được phân công thông báo cho người yêu cầu nộp ngay lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự, trừ trường hợp người đó được miễn hoặc không phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

Trường hợp người yêu cầu không thể nộp ngay lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự thì phải nộp vào ngày liền kề tiếp theo ngày lập các biên bản. Tòa án xem xét, nếu người yêu cầu đã nộp lệ phí và hồ sơ vụ việc do Hòa giải viên chuyển đến đã đầy đủ theo quy định tại Chương XXVIII của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Thẩm phán (đã được phân công tham gia chứng kiến và ký tên vào các biên bản) thụ lý ngay việc dân sự, không để kéo dài thời gian thụ lý. Thời hạn 07 ngày được tính kể từ ngày lập các biên bản. Trường hợp hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải mà người yêu cầu không nộp lệ phí, trừ trường hợp được miễn nộp lệ phí theo quy định của pháp luật thì Thẩm phán không xem xét công nhận kết quả hòa giải thành. Việc hòa giải được xem là hòa giải không thành.



**6. Trường hợp đương sự yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thì đối với thỏa thuận liên quan đến tài sản có giá trị lớn có tính án phí có giá ngạch hay không? Trường hợp Tòa án công nhận kết quả đối thoại thành thì có thu lệ phí không?**

Điểm b mục 3 Công văn số 310/TANDTC-PC hướng dẫn: “b) Trường hợp qua hòa giải, các bên thỏa thuận được với nhau về các vấn đề phải giải quyết thì tại Biên bản hòa giải thành ghi rõ những nội dung các bên thống nhất. Nếu các bên hoặc một bên tranh chấp có yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành thì Hòa giải viên hướng dẫn người đó làm đơn về yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành và chuyển hồ sơ, đơn yêu cầu và biên bản hòa giải cho Tòa án. Tòa án xem xét thụ lý, giải quyết việc dân sự về yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án theo quy định tại Chương XXXIII Bộ luật Tố tụng dân sự....”

Theo hướng dẫn nêu trên thì khi hòa giải thành, các bên hoặc một trong các bên tranh chấp có yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành thì đây là yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án là việc dân sự. Lệ phí giải quyết việc dân sự về yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thực hiện theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mức thu lệ phí này là 300.000 đồng (không phân biệt thỏa thuận liên quan đến tài sản có giá trị lớn hay nhỏ).

Điểm b mục 3 Công văn số 310/TANDTC-PC hướng dẫn: “...Trường hợp nhận được quyết định hành chính mới thì Trung tâm phải thông báo cho bên còn lại biết. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Trung tâm, nếu bên còn lại không có ý kiến phản đối thì Đối thoại viên thông báo cho Giám đốc Trung tâm, chuyển hồ sơ vụ việc, Biên bản đối thoại, quyết định hành chính mới cho Tòa án. Tòa án ra quyết định công nhận kết quả đối thoại thành.” Hiện nay, chưa có quy định về công nhận kết quả đối thoại thành ngoài Tòa án, do vậy Tòa án không thu lệ phí khi ra quyết định công nhận kết quả đối thoại thành.

**7. Thời gian giải quyết một vụ việc tại Trung tâm Hòa giải, đối thoại tại Tòa án bị rút ngắn xuống còn 20 ngày làm việc so với quy định trước đây là 02 tháng dẫn đến Hòa giải viên, Đối thoại viên không có nhiều thời gian nghiên cứu đối với những vụ việc phức tạp. Hơn nữa, đối với những vụ việc phải tiến hành hòa giải nhiều lần thì thời gian 20 ngày không đảm bảo để tiến hành hòa giải.**

Tại mục 2.3 phần 2 Công văn số 310/TANDTC-PC ngày 11-10-2018 hướng dẫn về thời hạn hòa giải, đối thoại:

*“Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày được phân công, Hòa giải viên, Đối thoại viên phải tiến hành hòa giải, đối thoại. Trường hợp vụ việc phức tạp mà các bên tham gia hòa giải, đối thoại cần bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ hoặc theo yêu cầu chính đáng của họ thì thời hạn này có thể được kéo dài nhưng không quá 10 ngày.*

*Thời hạn hòa giải, đối thoại là 30 ngày; trường hợp cần thiết thì có thể gia hạn nhưng không quá 02 tháng”*

Căn cứ theo hướng dẫn nêu trên thì đối với vụ việc phức tạp, cần phải hòa giải nhiều lần thì thời hạn hòa giải, đối thoại có thể được gia hạn đến 02 tháng.

**8. Theo Công văn số 310/TANDTC-PC ngày 11-10-2018 thì sau khi nhận được đơn khởi kiện, Giám đốc Trung tâm hòa giải phân đơn để Hòa giải viên tiến hành hòa giải. Như vậy, Thẩm phán không được tiếp cận đơn khởi kiện đến thời điểm hòa giải thành (chứng kiến việc hòa giải thành) hoặc đến thời điểm Trung tâm hòa giải chuyển đơn khởi kiện về Tòa án (hòa giải không thành), trong khi, Thẩm phán là người chịu hoàn toàn trách nhiệm về các quyết định ban hành liên quan đến nội dung Hòa giải viên đã tiến hành hòa giải. Do đó, cần có quy định cụ thể về trách nhiệm của Hòa giải viên đối với nội dung biên bản hòa giải.**

Theo hướng dẫn tại điểm c mục 2.2 phần 2 Công văn số 310/TANDTC-PC ngày 11/10/2018 hướng dẫn về việc lập Biên bản hòa giải, Biên bản đối thoại:

“ ...

*+ Các bên tham gia hòa giải, đối thoại chịu trách nhiệm về nội dung thỏa thuận, thống nhất. Kết quả hòa giải thành có giá trị pháp lý đối với các bên tham gia hòa giải theo quy định của pháp luật dân sự, kết quả đối thoại thành có giá trị pháp lý đối với các bên tham gia đối thoại theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính.*

...”

Căn cứ theo hướng dẫn nêu trên thì Hòa giải viên, Đối thoại viên chỉ là người chứng kiến những vấn đề các bên thỏa thuận, thống nhất mà không phải chịu trách nhiệm về nội dung các bên thỏa thuận, thống nhất. Thẩm phán ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án khi có đủ điều kiện công nhận quy định tại Điều 417 BLTTDS.

**9. Đối với vụ án ly hôn, sau khi hòa giải tại Trung tâm Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, các bên đương sự không đoàn tụ nhưng thống nhất thuận tình ly hôn thì Tòa án thụ lý việc dân sự. Tuy nhiên, Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09-8-2018 ban hành các biểu mẫu trong giải quyết việc dân sự trong đó, mẫu số 09 - thông báo thụ lý việc dân sự, ở phần cuối**



của thông báo có ghi “Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Thông báo này, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp cho Tòa án văn bản về ý kiến của mình...”. Quy định này mâu thuẫn với Công văn số 310/TANDTC-PC ngày 11-10-2018, vì theo Công văn này, Tòa án ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn sau 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành. Do đó, đề nghị hướng dẫn thống nhất về mẫu Thông báo thụ lý việc dân sự và Quyết định công nhận thỏa thuận ly hôn trong trường hợp này để áp dụng thống nhất chung cho toàn ngành.

Theo hướng dẫn tại điểm b mục 3 Công văn số 310/TANDTC-PC ngày 11-10-2018 thì:

“ ...

*Trường hợp ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn mà sau khi hòa giải, vợ, chồng không đồng ý đoàn tụ, nhưng thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thì Hòa giải viên giải thích cho họ sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, đơn yêu cầu hòa giải thành đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Đồng thời, Hòa giải viên báo cáo Giám đốc Trung tâm phân công Thẩm phán tham gia chứng kiến việc lập biên bản và ký tên vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con, chia tài sản khi ly hôn do Hòa giải viên lập. Biên bản này được gửi ngay cho các bên tham gia hòa giải.*

*Hòa giải viên thông báo cho Giám đốc Trung tâm, chuyển hồ sơ vụ việc và các biên bản cho Tòa án. Tòa án xem xét, nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định tại Chương XXVIII của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Thẩm phán (đã được phân công tham gia chứng kiến và ký tên vào các biên bản) thụ lý ngay việc dân sự. Sau khi thụ lý, Thẩm phán kiểm tra hồ sơ nếu xét thấy việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập các biên bản mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó thì Thẩm phán ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo quy định tại Điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự (Thẩm phán không tiến hành hòa giải lại).”*

Công văn 310/TANDTC-PC ngày 11-10-2018 hướng dẫn thời hạn để Thẩm phán ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn là 07 ngày, nhằm mục đích giải quyết nhanh chóng vụ việc trong trường hợp đã được Hòa giải viên hòa giải; mặt khác việc hòa giải cũng bảo đảm được quyền lợi của các bên, vì khi hòa giải đã có sự chứng kiến của Thẩm phán. Do đó, đối với trường hợp ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài

sản khi ly hôn mà sau khi hòa giải, vợ, chồng không đồng ý đoàn tụ, nhưng thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn thì Thẩm phán ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn khi hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày Hòa giải viên lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con, chia tài sản khi ly hôn mà các bên không có ý kiến gì.

Đây là thí điểm hòa giải, đối thoại tại Tòa án, cho nên việc thực hiện không phải hoàn toàn như quy định của BLTTDS mà có sự vận dụng và đổi mới trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc tự định đoạt, tự do thỏa thuận của các chủ thể tham gia quan hệ dân sự, trừ sự thỏa thuận vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội hoặc nhằm trốn tránh nghĩa vụ.

10. Theo Công văn số 310/TANDTC-PC ngày 11-10-2018 về hướng dẫn nghiệp vụ, tại đoạn 1 điểm b Điều 3 quy định sau khi hòa giải thành, đương sự làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành và chuyển hồ sơ, đơn yêu cầu và biên bản hòa giải cho Tòa án. Tòa án xem xét thụ lý, giải quyết việc dân sự theo quy định tại Chương XXXIII Bộ luật Tố tụng dân sự; Theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án phải mở phiên họp giải quyết việc dân sự và có Kiểm sát viên tham gia phiên họp. Tuy nhiên Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án lại có mẫu biên bản hòa giải, đối thoại thành để trên cơ sở đó Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và Quyết định của Tòa án sẽ được thi hành theo quy định của pháp luật. Qua đó, dẫn đến có hai quan điểm giải quyết khác nhau về việc ban hành văn bản: Quan điểm thứ nhất, Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự mà không phải mở phiên họp có đại diện Viện kiểm sát tham gia; quan điểm thứ hai, Tòa án phải mở phiên họp có đại diện Viện kiểm sát tham gia và ra Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án theo mẫu số 32 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09-8-2018 ban hành một số biểu mẫu trong giải quyết việc dân sự.

Tại đoạn 1 điểm b phần 3 Công văn số 310/TANDTC-PC ngày 11-10-2018 hướng dẫn như sau:

“ ...

*b) Trường hợp qua hòa giải, các bên thỏa thuận được với nhau về các vấn đề phải giải quyết thì tại Biên bản hòa giải thành ghi rõ những nội dung các bên thống nhất. Nếu các bên hoặc một bên tranh chấp có yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành thì Hòa giải viên hướng dẫn người đó làm đơn về yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành và chuyển hồ sơ, đơn yêu cầu và biên bản hòa giải cho Tòa án. Tòa án xem xét thụ lý, giải quyết việc dân sự về*



*yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án theo quy định tại Chương XXXIII Bộ luật Tố tụng dân sự.”*

Căn cứ vào hướng dẫn nêu trên thì khi có đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành và Biên bản hòa giải có xác nhận của Hòa giải viên thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý, giải quyết việc dân sự về yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án theo quy định tại Chương XXXIII Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, trình tự thủ tục giải quyết sẽ căn cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tức là Tòa án phải mở phiên họp có đại diện Viện kiểm sát tham gia và ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án theo mẫu số 32 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09-8-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành một số biểu mẫu trong giải quyết việc dân sự.

**11. Trường hợp đơn khởi kiện chuyển đến Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án không có đủ các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 118 Luật Tố tụng hành chính; không có tài liệu, chứng cứ cần thiết kèm theo thì xử lý như thế nào?**

Trường hợp đơn khởi kiện chuyển đến Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án không có đủ các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 118 Luật Tố tụng hành chính thì Hòa giải viên, Đối thoại viên đề nghị người khởi kiện sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện. Trường hợp người khởi kiện không sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo đề nghị của Hòa giải viên, Đối thoại viên thì Hòa giải viên, Đối thoại viên báo cáo với Giám đốc Trung tâm và chuyển đơn khởi kiện cho Tòa án.

Trường hợp đơn khởi kiện theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 118 Luật Tố tụng hành chính nhưng không có tài liệu, chứng cứ cần thiết kèm theo thì Hòa giải viên, Đối thoại viên vẫn xem xét, tiến hành hòa giải, đối thoại. Trong quá trình hòa giải, đối thoại, tùy từng vụ việc mà Hòa giải viên, Đối thoại viên đề nghị người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ cần thiết; tiến hành hòa giải, đối thoại theo hướng dẫn tại Công văn số 310/TANDTC-PC ngày 11-10-2018 của Tòa án nhân dân tối cao và hướng dẫn tại Công văn này.

**12. Trường hợp vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn có liên quan đến con là người chưa thành niên thì trước khi tiến hành hòa giải, Hòa giải viên có phải thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp không? Có phải lấy ý kiến của con chưa thành niên từ đủ bảy tuổi trở lên không?**

Việc hòa giải vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án hướng đến mục đích để vợ chồng

đoàn tụ hoặc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn trong trường hợp hòa giải đoàn tụ không thành. Do vậy, Hòa giải viên khi tiến hành hòa giải cần tìm hiểu nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng để từ đó thuyết phục vợ chồng hòa giải. Việc hòa giải ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án không nhất thiết phải lấy ý kiến của con chưa thành niên từ đủ bảy tuổi trở lên.

**13. Tại điểm b mục 3 Công văn số 310/TANDTC-PC ngày 11-10-2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn: “Nếu các bên tranh chấp không yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thì Hòa giải viên thông báo cho Giám đốc Trung tâm, chuyển ngay hồ sơ vụ việc, Biên bản hòa giải thành cho Tòa án để trả lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho người khởi kiện, trong trường hợp nhận hồ sơ từ Tòa án”. Tuy nhiên, trường hợp người khởi kiện là pháp nhân ủy quyền cho người khác tham gia hòa giải mà người được ủy quyền không có thẩm quyền ký đơn yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành; sau buổi hòa giải, người khởi kiện cũng không có đơn yêu cầu thì thời hạn để Tòa án trả lại đơn khởi kiện là bao nhiêu ngày?**

Trường hợp một trong các bên tranh chấp là pháp nhân, người tham gia hòa giải là người đại diện theo ủy quyền thì nội dung của ủy quyền phải bảo đảm người đại diện đó có đầy đủ quyền tham gia giải quyết tranh chấp; khi hòa giải thành tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án mà các bên tranh chấp không có yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành thì Hòa giải viên thông báo cho Giám đốc Trung tâm và chuyển ngay hồ sơ vụ việc, Biên bản hòa giải thành cho Tòa án. Trường hợp này được coi là người khởi kiện rút đơn khởi kiện. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ vụ việc, Biên bản hòa giải thành do Trung tâm chuyển đến, Tòa án trả lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho người khởi kiện.

**14. Trường hợp tranh chấp về tài sản được Trung tâm Hòa giải, đối thoại tại Tòa án tiến hành hòa giải thành; trong quá trình hòa giải, Trung tâm Hòa giải, đối thoại tại Tòa án đã lập biên bản xem xét tại chỗ, tiến hành xác minh tại thực địa cùng chính quyền địa phương và các cơ quan chuyên môn của UBND cấp huyện. Sau đó, các bên có yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành và được Tòa án thụ lý giải quyết. Vậy, biên bản xem xét tại chỗ của Trung tâm Hòa giải, đối thoại tại Tòa án lập có được coi là chứng cứ khi Tòa án tiến hành giải quyết việc dân sự không?**

Trung tâm Hòa giải, đối thoại tại Tòa án có chức năng hòa giải, đối thoại các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính trên tinh thần tự nguyện và tự định đoạt của các đương sự mà không căn cứ vào chứng cứ để phân xử đúng sai. Do



đó, việc Trung tâm Hòa giải, đối thoại tại Tòa án lập biên bản xem xét tại chỗ, tiến hành xác minh tại thực địa trong quá trình hòa giải là để tạo điều kiện thuận lợi cho các đương sự đạt được thỏa thuận, không phải là chứng cứ để Tòa án căn cứ giải quyết việc dân sự. Trong quá trình công nhận kết quả hòa giải thành, Tòa án xác định chứng cứ theo quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**15. Các tranh chấp được Tòa án nhận đơn chuyển qua Trung tâm hòa giải, đối thoại là theo thẩm quyền của Tòa án nơi bị đơn cư trú, có trụ sở theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm s khoản 2 Điều 39 BLTTDS về thẩm quyền giải quyết việc dân sự thì Tòa án nơi người yêu cầu cư trú, làm việc là Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu công nhận kết quả hòa giải ngoài Tòa án.**

Vụ việc được hòa giải và đương sự có đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành, người yêu cầu (trường hợp chỉ có một người yêu cầu là nguyên đơn) cư trú ở địa bàn khác với địa bàn được hòa giải thành. Trường hợp này Tòa án đã tiến hành hòa giải có thẩm quyền công nhận kết quả hòa giải thành hay phải chuyển đến Tòa án đúng thẩm quyền nơi người yêu cầu cư trú theo quy định tại điểm s khoản 2 Điều 39 BLTTDS?

Đối với trường hợp nêu trên, việc công nhận kết quả hòa giải thành do Tòa án nơi có Trung tâm Hòa giải, đối thoại tại Tòa án đã tiến hành hòa giải thành thực hiện nhằm đảm bảo sự thuận tiện, nhanh chóng, đạt hiệu quả cao nhất.

**16. Đối với một số vụ án dân sự, trong biên bản hòa giải thành thể hiện các bên thống nhất thỏa thuận việc giải quyết vụ án, nhưng khi yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thì thỏa thuận này đã được thực hiện một phần. Vậy, Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành tại buổi hòa giải như thế nào? Công nhận kết quả hòa giải thành hay công nhận phần thỏa thuận chưa thực hiện?**

Trường hợp hòa giải thành, các bên đã thực hiện một phần hoặc không thực hiện nghĩa vụ trong thời hạn mà các bên thỏa thuận (nhưng vẫn trong thời hạn 6 tháng theo Điều 418 BLTTDS), người khởi kiện yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thì Tòa án có thụ lý việc dân sự để công nhận kết quả hòa giải không hay hướng dẫn người khởi kiện làm thủ tục khởi kiện lại tại Tòa án?

Thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được quy định tại Chương XXXIII của BLTTDS năm 2015. Theo đó, Tòa án không xem xét yêu cầu công nhận việc các bên đã thực hiện một phần thỏa thuận hay thực hiện toàn bộ thỏa thuận mà căn cứ vào việc có căn cứ và hợp pháp của các thỏa thuận để công nhận theo yêu cầu của các đương sự.

Trường hợp hòa giải thành (các bên đã thực hiện một phần hoặc không thực hiện nghĩa vụ trong thời hạn mà các bên thỏa thuận nhưng vẫn trong thời hạn 6 tháng theo Điều 418 BLTTDS), người khởi kiện yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thì Tòa án thụ lý việc dân sự để xem xét yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành.

**17. Trong vụ án ly hôn, quá trình Hòa giải viên tiến hành hòa giải thì người khởi kiện rút đơn nhưng không đồng ý lập biên bản hòa giải thành vì người khởi kiện không về đoàn tụ. Theo Công văn số 310/TANDTC-PC ngày 11-10-2018 thì Hòa giải viên tiến hành lập biên bản hòa giải. Vậy, biên bản hòa giải trong trường hợp này có được tính là hòa giải thành không?**

Đối với vụ án ly hôn, nếu sau khi Hòa giải viên tiến hành hòa giải mà người khởi kiện rút đơn thì được coi là hòa giải đoàn tụ thành và biên bản hòa giải trong trường hợp này được tính là hòa giải thành.

**18. Các đương sự thuận tình ly hôn, thỏa thuận được với nhau về các vấn đề phải giải quyết tại Trung tâm Hòa giải, đối thoại tại Tòa án và có yêu cầu Tòa án công nhận thì Trung tâm hướng dẫn đương sự và chuyển hồ sơ vụ việc và các biên bản cho Tòa án để xem xét công nhận kết quả hòa giải thành. Vậy, khi chuyển sang giải quyết yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thì Tòa án có phải Thông báo thụ lý việc hôn nhân gia đình cho đương sự, Viện kiểm sát không?**

Tòa án thông báo thụ lý việc hôn nhân gia đình cho đương sự, Viện kiểm sát theo quy định tại Chương XXIII quy định chung về thủ tục giải quyết việc dân sự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**19. Đối với các tranh chấp dân sự cần phải xác minh trên thực tế như xem xét thẩm định tại chỗ, định giá, thẩm định giá tài sản mới có đủ căn cứ để công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành thì ai có thẩm quyền ra quyết định thẩm định, định giá tài sản? Trung tâm Hòa giải, đối thoại có thu chi phí thẩm định, định giá hay không?**

Trong quá trình tiến hành hòa giải, Hòa giải viên có quyền đề nghị người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ, bao gồm việc đề nghị xem xét thẩm định, định giá tài sản làm căn cứ để công nhận kết quả hòa giải thành. Tuy nhiên, việc hòa giải được tiến hành trên tinh thần tự nguyện và tự quyết định của các đương sự nên việc xem xét thẩm định, định giá tài sản chỉ được tiến hành khi các đương sự đồng ý và tự nguyện chi trả chi phí thẩm định, định giá tài sản.

**20. Trường hợp Hòa giải viên đưa thiếu người tham gia tố tụng trong quá trình hòa giải mà người này không đồng ý với kết quả hòa giải; hoặc tài**



liệu, chứng cứ mà đương sự bổ sung theo yêu cầu của Tòa án trong quá trình xét đơn yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn làm thay đổi bản chất của vụ việc đã hòa giải mặc dù đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành thì giải quyết như thế nào?

Tòa án xem xét ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định tại Chương XXVIII của Bộ luật Tố tụng dân sự; trong đó, khoản 3 Điều 396 quy định: “Kèm theo đơn yêu cầu, người yêu cầu phải gửi tài liệu, chứng cứ chứng minh thỏa thuận về thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn là có căn cứ và hợp pháp”.

Do đó, nếu Hòa giải viên đưa thiếu người tham gia tố tụng trong quá trình hòa giải mà ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của họ và họ không đồng ý với kết quả hòa giải; hoặc tài liệu, chứng cứ mà đương sự bổ sung theo yêu cầu của Tòa án trong quá trình xét đơn yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn làm thay đổi bản chất của vụ việc đã hòa giải, ảnh hưởng đến tính có căn cứ và hợp pháp của các thỏa thuận thì Thẩm phán không ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành.

**21. Thế nào là một vụ việc hòa giải thành, đối thoại thành, tiêu chí thống kê và phương pháp tính tỷ lệ hòa giải thành, đối thoại thành?**

### **21.1. Vụ việc hòa giải thành, đối thoại thành**

a) Qua hòa giải, đối thoại các bên đạt được thỏa thuận, thống nhất với nhau về toàn bộ các vấn đề phải giải quyết;

b) Qua hòa giải, đối thoại, các bên đạt được thỏa thuận thống nhất về một hoặc một số vấn đề cần giải quyết; những vấn đề còn lại đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết;

c) Hòa giải ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn mà sau khi hòa giải, vợ chồng đoàn tụ;

d) Hòa giải ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn mà sau khi hòa giải, vợ chồng thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn;

đ) Qua hòa giải, đối thoại người khởi kiện rút đơn khởi kiện.

Trường hợp qua hoà giải, đối thoại, các bên đạt được thỏa thuận thống nhất về một hoặc một số vấn đề cần giải quyết; những vấn đề không thoả thuận được, đương sự tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp này được tính bằng ½ vụ việc hoà giải thành, đối thoại thành.

## **21.2. Việc thống kê kết quả công tác hòa giải, đối thoại tại các Trung tâm hòa giải, đối thoại**

### **a) Các chỉ tiêu thống kê công tác hòa giải, đối thoại:**

- (1) Số đơn Trung tâm tiếp nhận giải quyết
- (2) Số vụ việc Trung tâm đã giải quyết
- (3) Số vụ việc Trung tâm hòa giải thành, đối thoại thành
- (4) Số vụ việc đương sự yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành sau khi hòa giải, đối thoại tại Trung tâm

### **b) Phương pháp tính tỷ lệ các chỉ tiêu thống kê về kết quả hòa giải, đối thoại các Trung tâm hòa giải, đối thoại**

(1) Tỷ lệ đơn Trung tâm tiếp nhận giải quyết = (Số đơn Tòa án chuyển Trung tâm + Số đơn đương sự gửi trực tiếp đến Trung tâm đủ điều kiện giải quyết) / (Số đơn Tòa án nhận được + Số đơn đương sự gửi trực tiếp đến Trung tâm đủ điều kiện giải quyết) \* 100%.

Trong đó:

Số đơn đương sự gửi trực tiếp đến Trung tâm đủ điều kiện giải quyết = Số đơn đương sự gửi trực tiếp đến Trung tâm – (Số đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án + Số đơn thuộc trường hợp luật quy định không được hoà giải, đối thoại).

(2) Tỷ lệ vụ việc Trung tâm đã giải quyết = Số vụ việc Trung tâm đã giải quyết / Tổng số vụ việc Trung tâm tiếp nhận đủ điều kiện giải quyết \* 100%.

Trong đó:

\* Số vụ việc Trung tâm đã giải quyết = Số vụ việc hòa giải thành, đối thoại thành + Số vụ việc hòa giải, đối thoại không thành.

- Số vụ việc hòa giải thành, đối thoại thành = Số vụ việc các bên thỏa thuận thống nhất với nhau về tất cả các vấn đề phải giải quyết + ½ Số vụ việc các bên thỏa thuận thống nhất được một hoặc một số vấn đề phải giải quyết, các vấn đề còn lại đương sự yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết + Số vụ việc đoàn tụ thành + Số vụ việc thuận tình ly hôn + Số vụ việc đương sự rút đơn.

- Số vụ việc hòa giải, đối thoại không thành = Số vụ việc các bên không thỏa thuận được toàn bộ các vấn đề + Số vụ việc đương sự yêu cầu không hòa giải, đối thoại sau khi đã hòa giải, đối thoại một lần trở lên.

(3) Tỷ lệ hòa giải thành, đối thoại thành = Số vụ việc Trung tâm hòa giải thành, đối thoại thành / Tổng số vụ việc Trung tâm đã giải quyết \* 100%.



(4) Tỷ lệ các vụ việc đương sự yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành = Số vụ việc đương sự yêu cầu Tòa án ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành / Tổng số vụ việc hòa giải thành, đối thoại thành tại Trung tâm \* 100%.

### **21.3. Việc thống kê được thực hiện theo Biểu mẫu và Hướng dẫn biểu mẫu kèm theo Công văn này.**

Số đơn đủ điều kiện giải quyết là đơn khởi kiện và đơn yêu cầu hòa giải, đối thoại đương sự nộp trực tiếp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và được hòa giải, đối thoại theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính.

Đương sự không đồng ý hòa giải, đối thoại là trường hợp đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải, đối thoại tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án hoặc Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án triệu tập mà đương sự vắng mặt.

*(Kèm theo Công văn này là một số mẫu văn bản sử dụng trong quá trình triển khai thí điểm)*

Trên đây là hướng dẫn bổ sung của Tòa án nhân dân tối cao về nghiệp vụ thực hiện thí điểm đổi mới, tăng cường hòa giải, đối thoại trong giải quyết các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính tại Tòa án nhân dân. Tòa án nhân dân tối cao yêu cầu Chánh án các Tòa án nhân dân thực hiện thí điểm sau khi nhận được Công văn này cần tổ chức quán triệt và triển khai ngay để bảo đảm việc thực hiện thí điểm được thống nhất./.

Nơi nhận: *H. S. M. L.*

- Như kính gửi;
- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Các Phó Chánh án TANDTC (để phối hợp chỉ đạo);
- Ban Nội chính TW;
- Ban Dân vận TW;
- Ban Chỉ đạo CCTPTW;
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Các Thẩm phán TANDTC;
- Thủ trưởng các đơn vị thuộc TANDTC;
- Công TTĐT TANDTC;
- Lưu: VT, Vụ PC&QLKH.

**KT. CHÁNH ÁN  
PHÓ CHÁNH ÁN**



**Nguyễn Thúy Hiền**

**BIÊN BẢN THỎA THUẬN  
VỀ LY HÔN, NUÔI CON VÀ CHIA TÀI SẢN KHI LY HÔN**

Hôm nay, vào hồi .... giờ .... phút, ngày .... tháng .... năm 201 .

Tại Trung tâm Hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân<sup>(2)</sup> .....

Tiến hành phiên hòa giải để các bên tham gia thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp, yêu cầu ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn theo Giấy xác nhận nhận đơn số.....ngày.....tháng... năm.....

**I. Thành phần tham gia phiên hòa giải, đối thoại:**

- Hòa giải viên: .....

- Thư ký phiên hòa giải: .....

- Thẩm phán<sup>(4)</sup> .....

- Người khởi kiện<sup>(5)</sup>: .....

Địa chỉ<sup>(6)</sup>: .....

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện<sup>(7)</sup>: .....

Địa chỉ<sup>(8)</sup>: .....

- Người bị kiện<sup>(9)</sup>: .....

Địa chỉ<sup>(10)</sup>: .....

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện<sup>(11)</sup>: .....

Địa chỉ<sup>(12)</sup>: .....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan<sup>(13)</sup>:

Địa chỉ<sup>(14)</sup>: .....

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan<sup>(15)</sup>: .....

Địa chỉ<sup>(16)</sup>: .....

**II. Kết quả hòa giải:**

Phiên hòa giải đã được tiến hành trên tinh thần chủ động và tự nguyện, các bên thống nhất giải quyết các vấn đề tranh chấp như sau:

1.....

.....  
.....



2.....

Thỏa thuận này được lưu trong hồ sơ của Tòa án, các bên có quyền yêu cầu Tòa án ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự và Quyết định của Tòa án sẽ được thi hành theo quy định của pháp luật.

Biên bản kết thúc vào hồi .... giờ .... phút năm 2018 và được lập thành .... bản, mỗi bên giữ 01 bản, Trung tâm Hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân ..... lưu 01 bản.

**Các đương sự tham gia hòa giải**

**Thẩm phán<sup>(17)</sup>**

**Thư ký ghi  
biên bản**

**Hòa giải viên**

1) (2) Ghi tên Tòa án nhân dân nơi đặt trụ sở Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án

(3) Ghi số, ngày, tháng, năm nhận đơn.

(4) (17) Chỉ ghi Thẩm phán trong trường hợp ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn mà sau khi hoà giải, vợ, chồng không đồng ý đoàn tụ, nhưng thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

(5)(9)(13) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh và số chứng minh thư nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân khác của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và họ tên của người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó. Trường hợp có nhiều người thì đánh số thứ tự 1, 2, 3,... và ghi đầy đủ các thông tin của từng người. Nếu có mặt tại phiên hoà giải thì ghi “có mặt”, nếu vắng mặt tại phiên hoà giải thì ghi “vắng mặt”.

(6) (10) (14) Nếu người là cá nhân thì ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó tại thời điểm làm đơn yêu cầu (ví dụ: thôn Bình An, xã Phú Cường, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội); nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó tại thời điểm làm đơn yêu cầu (ví dụ: trụ sở tại số 20 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội).

(7) (8) (11) (12) (15) (16) Ghi họ tên và địa chỉ của người đại diện theo ủy quyền, nếu là Luật sư thì ghi Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn Luật sư nào. Nếu có nhiều người thì phải ghi cụ thể đại diện cho người nào.



**BIÊN BẢN  
KHÔNG HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI ĐƯỢC**

Hôm nay, vào hồi .... giờ .... phút, ngày .... tháng .... năm 2019.

Tại Trung tâm Hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân<sup>(2)</sup> .....

Tiến hành phiên hòa giải, đối thoại để các bên thoả thuận thống nhất với nhau về việc giải quyết tranh chấp, khiếu kiện theo Giấy xác nhận nhận đơn số...ngày... tháng.....năm....

**I. Thành phần tham gia phiên hòa giải, đối thoại:**

- Hòa giải viên, Đối thoại viên: .....

- Thư ký phiên hòa giải, đối thoại: .....

- Người khởi kiện<sup>(4)</sup>: .....

Địa chỉ<sup>(5)</sup>: .....

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện<sup>(6)</sup>: .....

Địa chỉ<sup>(7)</sup>: .....

- Người bị kiện<sup>(8)</sup>: .....

Địa chỉ<sup>(9)</sup>: .....

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện<sup>(10)</sup>: .....

Địa chỉ<sup>(11)</sup>: .....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan<sup>(12)</sup>:

Địa chỉ<sup>(13)</sup>: .....

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan<sup>(14)</sup>: .....

Địa chỉ<sup>(15)</sup>: .....

Xét thấy<sup>(16)</sup> .....

Vì vậy, vụ việc này sẽ được chuyển lại Tòa án để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự hoặc tố tụng hành chính<sup>1</sup>.

Biên bản kết thúc vào hồi .... giờ .... phút cùng ngày.

**Các bên tham gia hòa giải/đối thoại**

**Thư ký ghi biên bản**

**Hòa giải viên,  
Đối thoại viên**

<sup>1</sup> Chỉ chuyển lại Tòa án để giải quyết trong trường hợp nhận đơn từ Tòa án chuyển sang.

## BIÊN BẢN HÒA GIẢI THÀNH, ĐỐI THOẠI THÀNH

Hôm nay, vào hồi .... giờ .... phút, ngày .... tháng .... năm ....

Tại Trung tâm Hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân<sup>(2)</sup> .....

Tiến hành phiên hòa giải, đối thoại để các bên tham gia hòa giải/đối thoại vụ việc theo Giấy xác nhận nhận đơn số... ngày... tháng... năm....

### I. Thành phần tham gia phiên hòa giải, đối thoại:

- Hòa giải viên: .....

- Thư ký phiên hòa giải: .....

- Người khởi kiện<sup>(4)</sup>: .....

Địa chỉ<sup>(5)</sup>: .....

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện<sup>(6)</sup>: .....

Địa chỉ<sup>(7)</sup>: .....

- Người bị kiện<sup>(8)</sup>: .....

Địa chỉ<sup>(9)</sup>: .....

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện<sup>(10)</sup>: .....

Địa chỉ<sup>(11)</sup>: .....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan<sup>(12)</sup>:

Địa chỉ<sup>(13)</sup>: .....

(14). Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan  
.....

Địa chỉ<sup>(15)</sup>: .....

### II. Kết quả hòa giải/đối thoại:

Phiên hòa giải/đối thoại đã được tiến hành phù hợp và theo đúng quy định, trên tinh thần chủ động và tự nguyện, các bên thống nhất giải quyết các vấn đề như sau:

1.....

.....

.....

.....

.....



tại thời điểm làm đơn yêu cầu (ví dụ: trụ sở tại số 20 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội).

(6)(10)(14) Ghi họ tên và địa chỉ của người đại diện theo ủy quyền, nếu là Luật sư thì ghi Luật sư của Văn phòng luật sư thuộc Đoàn Luật sư nào. Nếu có nhiều người thì phải ghi cụ thể đại diện cho người nào.

Số:...../TB

....., ngày..... tháng ..... năm.....

## THÔNG BÁO CHUYỂN ĐƠN KHỞI KIỆN

Kính gửi:<sup>(2)</sup> .....

Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án<sup>(3)</sup> ..... đã nhận được đơn khởi kiện đề ngày ..... tháng ..... năm..... của<sup>(4)</sup> .....nộp trực tiếp (hoặc do bưu điện chuyển đến hoặc gửi trực tuyến bằng hình thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án) hoặc do Tòa án<sup>(5)</sup> .....chuyển đến ngày.... tháng..... năm.....

Về việc yêu cầu Tòa án giải quyết (ghi tóm tắt các yêu cầu trong đơn khởi kiện) .....

.....  
Trung tâm Hòa giải, đối thoại tại Tòa án<sup>(6)</sup> ..... nhận thấy vụ việc nêu trên thuộc trường hợp không được hòa giải theo quy định tại Điều 206 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (hoặc nhận thấy vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết<sup>(7)</sup> .....

Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án<sup>(8)</sup> .....đã chuyển đơn khởi kiện của<sup>(9)</sup> .....và các tài liệu kèm theo (nếu có) đến Tòa án để giải quyết theo thẩm quyền<sup>1</sup>.

**Nơi nhận:**

- Trung tâm Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; (*Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)
- Lưu tại Tòa án.

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**

(1)(3)(6)(7)Ghi tên Trung tâm hòa giải, đối thoại theo tên Tòa án nơi đặt trụ sở;

(5) Ghi tên Tòa án nơi Trung tâm Hòa giải đối thoại đặt trụ sở

<sup>1</sup> Riêng đối với trường hợp người yêu cầu nộp trực tiếp tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án mà vụ việc không thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân nơi đặt trụ sở của Trung tâm hoặc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức khác thì không chuyển đơn cho Tòa án.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN YÊU CẦU**  
**CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI/ĐỐI THOẠI THÀNH**

Kính gửi: Tòa án nhân dân.....<sup>(1)</sup>

Người yêu cầu công nhận kết quả hòa giải/đối thoại thành:<sup>(2)</sup> .....

Địa chỉ:<sup>(3)</sup> .....

Số điện thoại (nếu có): .....

Fax (nếu có):.....

Địa chỉ thư điện tử (nếu có): .....

Tôi (chúng tôi) xin trình bày với Tòa án nhân dân<sup>(4)</sup> .....  
việc như sau: Tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Toà án<sup>(5)</sup> .....chúng tôi đã  
thống nhất hòa giải/đối thoại theo biên bản hòa giải/đối thoại thành ngày  
...tháng ...năm ....

Nay, tôi/chúng tôi yêu cầu Tòa án công nhận:<sup>(6)</sup> .....

- Tên và địa chỉ của những người có liên quan đến những vấn đề yêu cầu  
Tòa án công nhận:<sup>(7)</sup>

.....

- Các thông tin khác (nếu có):<sup>(8)</sup> .....

Tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn yêu cầu:<sup>(9)</sup>

1.....

.....

2.....

.....

3.....

.....

Tôi (chúng tôi) cam kết những thông tin trong đơn là đúng sự thật.

....., ngày.... tháng.... năm.....<sup>(9)</sup>

**NGƯỜI YÊU CẦU<sup>(10)</sup>**

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....<sup>(1)</sup>

Số:...../TB-TA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng ..... năm.....

## THÔNG BÁO CHUYỂN ĐƠN KHỞI KIỆN

Kính gửi:<sup>(2)</sup> .....

Tòa án nhân dân <sup>(3)</sup> ..... đã nhận được đơn khởi kiện đề ngày ..... tháng ..... năm..... của <sup>(4)</sup> ..... nộp trực tiếp (hoặc do bưu điện chuyển đến hoặc gửi trực tuyến bằng hình thức điện tử qua Công thông tin điện tử của Tòa án) ngày.... tháng..... năm..... về việc yêu cầu Tòa án giải quyết (ghi tóm tắt các yêu cầu trong đơn khởi kiện) .....

Xét thấy vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân<sup>(5)</sup> .....

Tòa án nhân dân<sup>(6)</sup> ..... đã chuyển đơn khởi kiện của<sup>(7)</sup> ..... và các tài liệu kèm theo (nếu có) đến Trung tâm Hòa giải, đối thoại tại Tòa án để giải quyết.

### Nơi nhận:

- Trung tâm Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
- Lưu tại Tòa án.

### CHÁNH ÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(1)(3)(5)(6) Ghi tên Tòa án nơi đặt trụ sở Trung tâm hòa giải, đối thoại;

(2) Ghi tên Trung tâm Hòa giải, đối thoại theo tên Tòa án nơi đặt trụ sở;

(4) và (7) Nếu người khởi kiện là cá nhân thì ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh và số chứng minh thư nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân khác của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và họ tên của người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó. Nếu là người đại diện theo pháp luật thì sau họ tên ghi “- là người đại diện theo pháp luật của người có quyền khởi kiện” và ghi rõ họ tên của người có quyền khởi kiện; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi “- là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền khởi kiện theo văn bản ủy quyền được xác lập ngày .....” và ghi rõ họ tên của người có quyền khởi kiện. Trường hợp có nhiều người cùng làm đơn khởi kiện thì đánh số thứ tự 1, 2, 3,... và ghi đầy đủ các thông tin của từng người.



THỐNG KÊ THỦ LÝ, GIẢI QUYẾT CÁC VỤ VIỆC TẠI TRUNG TÂM HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI

Từ ngày ..... đến ngày .....

Tên đơn vị	Loại vụ việc	Tổng số đơn khởi kiện Tòa án nhận được	SỐ ĐƠN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TRUNG TÂM TIẾP NHẬN GIẢI QUYẾT					KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT CÁC VỤ VIỆC TẠI TRUNG TÂM HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI													PHÂN TÍCH MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CÁC VỤ VIỆC ĐÃ HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI						
			Tòa án chuyên	Đương sự nộp trực tiếp	Đương sự không đồng ý hòa giải, đối thoại tại Trung tâm hoặc được triệu tập nhưng không đến Trung tâm để hoà giải, đối thoại	Tổng số	Tỷ lệ đơn đủ điều kiện giải quyết tại Trung tâm / (Tổng số đơn khởi kiện Tòa án nhận được + Số đơn đương sự nộp trực tiếp đủ điều kiện giải quyết tại Trung tâm)	Tổng số vụ việc giải quyết tại Trung tâm			Hòa giải thành, đối thoại thành						Hòa giải, đối thoại không thành				Số vụ việc đương sự yêu cầu Tòa án ra Quyết định công nhận kết quả hòa giải, đối thoại thành	Số vụ việc tổ chức hòa giải, đối thoại nhiều lần					
								Cũ còn lại	Mới thụ lý	Tổng cộng	Đương sự thống nhất được toàn bộ các vấn đề cần giải quyết	Đoàn tụ thành	Thuận tình lý hôn	Đương sự rút đơn	Số vụ việc đương sự thỏa thuận được với nhau một hoặc một số vấn đề, các vấn đề còn lại đương sự tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết	Cộng	Không thành toàn bộ vụ việc	Đương sự yêu cầu không hòa giải, đối thoại sau khi đã hòa giải, đối thoại một lần trở lên	Cộng	Tỷ lệ các vụ việc giải quyết / Tổng số vụ việc đủ điều kiện giải quyết tại Trung tâm			Tỷ lệ các vụ việc hòa giải thành, đối thoại thành / Tổng số vụ việc đã giải quyết	Còn lại	Tỷ lệ các vụ việc đương sự yêu cầu Tòa án ra quyết định công nhận kết quả hòa giải, đối thoại thành / Tổng số vụ việc Trung tâm hòa giải, đối thoại thành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Cấp tỉnh	Dân sự																										
	HNGĐ																										
	KDTM																										
	Lao động																										
	Hành chính																										
	Cộng																										
Cấp huyện	Dân sự																										
	HNGĐ																										
	KDTM																										
	Lao động																										
	Hành chính																										
	Cộng																										
Tổng cộng																											

## Hướng dẫn Biểu mẫu

Cột 3: ghi số đơn khởi kiện Tòa án nhận được

**Từ Cột 4 đến Cột 8: thống kê số đơn đủ điều kiện Trung tâm tiếp nhận giải quyết ( là đơn yêu cầu hòa giải, đối thoại các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và được hòa giải, đối thoại theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính); cụ thể:**

Cột 4: ghi số đơn đủ điều kiện giải quyết do Tòa án chuyển đến Trung tâm

Cột 5: ghi số đơn đủ điều kiện giải quyết do đương sự nộp trực tiếp tại Trung tâm

Cột 6: ghi số đơn đương sự không đồng ý hòa giải, đối thoại (bao gồm cả đơn do Tòa án và do đương sự nộp trực tiếp tại Trung tâm)

Cột 7: tổng số đơn đủ điều kiện Trung tâm tiếp nhận giải quyết.  $Cột 7 = (Cột 4 + Cột 5) - Cột 6$

Cột 8: tỷ lệ đơn đủ điều kiện giải quyết tại Trung tâm.  $Cột 8 = Cột 7 / \{Cột 3 + (Cột 5 - Cột 6)\} * 100\%$

**Từ Cột 9 đến Cột 11: thống kê số vụ việc hòa giải, đối thoại Trung tâm phải giải quyết, cụ thể:**

Cột 9: số vụ việc cũ còn lại chưa giải quyết từ kỳ thống kê trước chuyển sang.  $Cột 9 = Cột 24$  kỳ thống kê trước chuyển sang

Cột 10: số vụ việc mới thụ lý trong kỳ thống kê.  $Cột 10 = Cột 7$  chuyển sang.

Cột 11: tổng số vụ việc phải giải quyết trong kỳ thống kê.  $Cột 11 = Cột 9 + Cột 10$

**Từ Cột 12 đến Cột 17: thống kê số vụ việc hòa giải thành, đối thoại thành tại Trung tâm, cụ thể:**

Cột 12: số vụ việc đương sự thống nhất được tất cả các vấn đề cần giải quyết. (bao gồm cả các vụ việc đương sự thỏa thuận được với nhau một hoặc một số vấn đề, những vấn đề còn lại đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết)

Cột 13: số vụ việc đương sự đồng ý Đoàn tụ (trong vụ việc hôn nhân và gia đình)

Cột 14: số vụ việc đương sự đồng ý Thuận tình ly hôn (trong vụ việc hôn nhân gia đình)

Cột 15: số vụ việc đương sự đồng ý rút đơn khởi kiện.

Cột 16: Số vụ việc đương sự thỏa thuận được với nhau một hoặc một số vấn đề, các vấn đề còn lại đương sự tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cột 17: Tổng số các vụ việc hòa giải thành, đối thoại thành.  $Cột 17 = Cột 12 + Cột 13 + Cột 14 + Cột 15 + (Cột 16 \times 1/2)$

**Từ Cột 18 đến Cột 20: thống kê các vụ việc hòa giải, đối thoại không thành, cụ thể:**

Cột 18: số vụ việc đương sự không thỏa thuận thống nhất được tất cả các vấn đề cần giải quyết

Cột 19: số vụ việc Trung tâm đã hòa giải, đối thoại một lần hoặc nhiều lần nhưng đương sự chưa thống nhất, sau đó đương sự yêu cầu không tiếp tục hòa giải, đối thoại.

Cột 20: tổng số vụ việc hòa giải, đối thoại không thành.  $Cột 20 = Cột 18 + Cột 19$

**Cột 21:** tổng số vụ việc Trung tâm đã giải quyết.  $Cột 21 = Cột 17 + Cột 20$

**Cột 22:** tỷ lệ giải quyết các vụ việc hòa giải, đối thoại của Trung tâm.  $Cột 22 = (Cột 21 / Cột 7) * 100\%$

**Cột 23:** tỷ lệ các vụ việc hòa giải thành, đối thoại thành tại Trung tâm.  $Cột 23 = (Cột 17 / Cột 21) * 100\%$

**Cột 24:** số vụ việc còn lại Trung tâm chưa giải quyết trong kỳ thống kê

**Từ Cột 25 đến Cột 28: phân tích một số đặc điểm của các vụ việc đã hòa giải thành, đối thoại thành tại Trung tâm, cụ thể:**

Cột 25: tổng số vụ việc đương sự yêu cầu Tòa án ra Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành sau khi hòa giải, đối thoại tại Trung tâm

Cột 26: tỷ lệ các vụ việc đương sự yêu cầu Tòa án ra Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành.  $Cột 26 = (Cột 25 / Cột 17) * 100\%$

Cột 27 và Cột 28: số vụ việc Trung tâm tổ chức hòa giải, đối thoại nhiều lần, trong đó:

+ Cột 27: số vụ việc Trung tâm tổ chức hòa giải, đối thoại 2 lần

+ Cột 28: số vụ việc Trung tâm tổ chức hòa giải, đối thoại từ 3 lần trở lên